

Nguyên Nhân Nạn Đói Năm Ất Dậu

Đốc Gòn

Gạo là thức ăn chính của dân chúng Việt Nam nhưng đã biến mất trên thị trường vì:

- Thứ nhất, Nhật Bản áp lực Pháp ra lệnh cho nông dân Việt dùng ruộng đất trồng đay, bông vải - thay vì lúa - để phục vụ nhu cầu quốc phòng. Vì thế, trong dân gian, đã có câu ca dao rằng:

*Ai ơi khổ nhất giồng đay,
Giồng đay, đay nghiêng có hay nổi gì?
Phá ngô bỏ ruộng mà đi,
Nhỏ cây đay đáng có khi rũ tù.*

- Thứ nhì, chính phủ Pháp tích trữ một số gạo khổng lồ để nuôi quân, đề phòng nguồn tiếp tế từ Pháp chuyển đến không kịp. Đàng khác, Nhật cũng áp lực Pháp phải cung cấp một số gạo đủ nuôi sống Quân Đoàn 38 trú đóng ở Đông Dương trong sáu tháng.
- Thứ ba, tất cả các phong trào kháng chiến "Đánh Pháp - Đuổi Nhật" đều lo tích trữ lương thực để nuôi quân. Việt Minh có kho dự trữ lớn nhất. Các lực lượng này đã phục kích các đoàn xe tiếp tế lương thực từ Nam ra Bắc.
- Thứ tư, Không Lực của phe Đồng Minh đã oanh tạc phá hủy các hệ thống giao thông để ngăn chặn đường tiến quân của Nhật, khiến việc canh tác ruộng đất bị đình trệ và đường tiếp tế bị cắt đứt.

*Tàu cưỡi, Tây khoái, Nhật no,
Việt Nam hết gạo chết co đầy đường.*

Làng Nam Ninh của Đốc Gòn chia ra hai xóm. Xóm trên gồm toàn người theo đạo Công Giáo, sống quây quần chung quanh một ngôi nhà thờ mái ngói, được đặt tên là Họ Đạo Mông Triệu. Xóm dưới gồm những người theo các đạo khác. Trước cửa nhà thờ Mông Triệu có một đài Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, chôn 14 bộ hài cốt của người trong làng đã bị vua Minh Mạng xử tử vì không chịu bỏ đạo Công Giáo. Hai ông tổ của Đốc Gòn nằm trong danh sách 14 vị tử đạo này.

Trước đài có một ngôi nhà xây gạch đỏ đẹp nhất họ. Đó là nhà ông bà Trùm Hương, nổi tiếng giàu có. Ông nhận chức "Trùm" vì có thời được dân làng bầu làm trưởng khóm. Tuy chức này không chính thức nằm trong hệ thống cai trị nhà nước và cũng không có ghi trong bản hương ước, nhưng vẫn là chức vị được mọi người kính nể. Nhất là cả hai ông bà lại rất đạo đức, các cha xứ đều thương mến. Ông bà có hai con trai và ba con gái. Cô Tin, con gái đầu lòng, 17 tuổi. Cô Cậy, 9 tuổi và cô Mến, gái út, 3 tuổi. Hai cậu con trai, Trần Thái Hòa, 15 tuổi và Trần Công Bình, 13 tuổi. Tất cả năm người con của ông bà Trùm Hương đều ngoan đạo như bố mẹ. Sáng tối đi nhà thờ đọc kinh, xem lễ và công đức rất rộng rãi mỗi khi nhà thờ mở cuộc quyên góp. Ông bà thuê thầy giáo từ tỉnh Nam Định về dạy học riêng cho các con.

Nạn đói thực sự bắt đầu từ vụ mất mùa năm 1943 và trải dài từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh ra đến các tỉnh miền đồng bằng Bắc Việt. Hai tỉnh có số người chết đông nhất là Nam Định và Thái Bình. (1) Theo tài liệu của một người Nhật là ông Yoshizawa Minami thì số người Việt Nam chết trong nạn đói là 2 triệu. (2) Còn giáo sư người Mỹ, ông David G. Marr lại ước tính con số này là 1 triệu người.

Thấm nhuần tinh thần bác ái của đạo Công Giáo, ông Trùm Hương thường nhắc nhở mọi người trong nhà, từ bà Trùm đến các con và kẻ ăn người ở phải thực hành lời Chúa dạy trong Phúc Âm: "*Ai cho người đói khát bát cơm, chén nước là cho chính Chúa*". Ông còn nhấn mạnh thêm rằng:

- Trong ngày tận thế, Chúa chỉ phán xét công tội của con người căn cứ vào các hành vi bác ái họ đã làm khi còn sống mà thôi.

Từ khi có nạn đói xảy ra, vào mỗi buổi sáng, cô Tin có bồn phận ra mở cổng, mời những người xin ăn vào cả trong sân. Mọi người trong nhà lớn bé đều theo lệnh ông Trùm Hương ra phát cơm và giúp đỡ những người đau yếu. Có người ăn no quá, nằm lăn ra chết vì "bội thực". Lại có người nhìn thấy chum mắm tôm của ông

Trùm để ngoài sân, háu đói thò tay múc rồi húp ừng ực như húp cháo. Người khác đến kho thóc, bốc những nắm thật lớn, rồi nhồi nhét vào miệng nhai nghiền ngấu và nuốt trửng. Một hồi sau, những người này cũng lăn ra chết. Lý do vì mắm tôm chỉ là thứ gia vị, chứa nhiều vi khuẩn độc; còn thóc là hạt gạo chưa lột lớp vỏ nên rất sắc và nhám, khi nuốt những thứ ấy vào trong dạ dày đang trống rỗng thì chẳng những không giúp ích gì cho cơ thể, mà chỉ làm tan nát dạ dày đang đói, nên tránh sao cho khỏi cái chết!

Tin tức về lòng hảo tâm của gia đình ông bà Trùm Hương cứu đói được truyền miệng rất nhanh đến các làng xung quanh. Số người xin ăn đổ về nhà ông càng ngày càng đông. Lúc đầu, ông bà còn ấn định giờ giấc phát cơm và xếp hàng cho có trật tự. Nhưng ngày qua ngày, kho lúa voi dần nên sau đó ông bà phải phát cháo thay vì cơm.



Đến cuối năm 1944, nạn đói tại hai tỉnh Nam Định và Thái Bình trở nên hãi hùng, nhất là vào khoảng giữa tháng 10 đến tháng 11 lại xảy ra một trận lũ lụt. Nhà cửa, đồng ruộng, vườn tược bị nước tàn phá hết. Các phương tiện lưu thông tiếp tế bị tắc nghẽn. Khắp hang cùng ngõ hẻm, từ thành thị đến thôn

quê, xác người da bọc xương trần truồng nằm chết la liệt. Người sống phải lấy quần áo người chết để che ấm cho mình. Không còn một thứ rễ, củ hay hoa lá, sâu bọ nào có thể nhai được mà người ta bỏ sót. Có nơi người ta đã bắt đầu ăn thịt người chết để chống đói. Mỗi buổi sáng, các phương tiện chuyên chở được trưng dụng để đem hàng đồng xác chết đi chôn ở các hố đào vội vàng và phủ lấp qua loa một lớp đất mỏng. Các nhân chứng kể rằng trong đồng xác chết vất xuống hố, có cả những người còn đang hấp hối. Họ thều thào khản nài: "*Đừng chôn sống tôi! Hãy để tôi chết đã rồi hãy chôn!*" Mùi hôi thối nồng nặc bay khắp nơi và tại một số vùng đã bắt đầu có bệnh dịch.



Ngay tại ngã ba Quốc Lộ 1 và con đường lớn dẫn vào Họ Đạo Mông Triệu có một cây đa rất lớn. Các cụ trong làng cho biết nó đã có từ trên 100 năm qua. Các nhánh cây rủ xuống đất theo đường hàng ngang, tạo nên một bức tường dài khoảng 5, 6 thước. Nhờ bóng mát cây đa mà ngã ba này trở thành điểm dừng chân của các chuyến xe đò và khách bộ hành. Những người bưng thúng bán mẹt tụ tập tại đây thành một cái chợ di động. Họ bán nước, trà cau, thuốc Lào, thuốc vắn... Phía sau cây đa trở thành một nhà vệ sinh công cộng lộ thiên cho khách phương xa. Người ta gọi đây là Cây Đa Hẹn Hò, vì tương truyền rằng từ thời xa xưa, có một đôi trai gái dùng gốc cây đa này làm nơi hẹn hò. Nàng là con nhà giàu có trong làng, có tài thổi sáo. Chàng là con nhà nghèo, nhưng có tài làm thơ và ngâm thơ. Hai bên thương yêu nhau, nhưng cha mẹ nàng phản đối kịch liệt vì không "môn đăng hộ đối". Vì thế, mỗi đêm chàng và nàng thường hẹn hò nhau ra gốc cây đa này. Nàng thổi sáo, chàng ngâm thơ. Họ than thân trách phận cho cuộc tình dang dở bằng những bài thơ sầu muộn ngâm vang hòa lẫn tiếng sáo thật náo nê. Vào một đêm mưa bão, hai bên đang tình tự với nhau thì một tiếng sét kinh hoàng xé đôi cây đa và chặt đứt hai thân thể của đôi tình nhân đang ôm nhau ân ái. Từ đó, mỗi đêm dân làng nhìn thấy hai bóng người mặc áo trắng xóa phủ từ đầu xuống chân bay lượn quanh cây đa và có tiếng sáo vắng vắng đâu đây. Ban ngày, người ta tụ tập đông đúc buôn bán, nhưng khi mặt trời lặn là mọi người vội vã rời khỏi nơi này, nhất là những đêm mưa. Kể từ khi có nạn đói, ngày nào cũng có người chết ở gốc cây đa này. Vì thế, mỗi đêm người ta nhìn thấy rất nhiều bóng ma áo trắng lang thang ở đây.

Vào một buổi chiều kia, có một cặp vợ chồng với một đứa con nhỏ miệng luôn ngậm vú mẹ dừng chân tại gốc Cây Đa Hẹn Hò này. Cậu bé Đốc Gàn tò mò đến gần. Bất chợt, người chồng đưa hai cánh tay gầy guộc ra vỗ lấy cậu. Nhanh như chớp, ông ta thọc hai bàn tay vào túi cậu. Nhưng trong túi chẳng có gì cả. Theo phản ứng tự nhiên, cậu bé vùng mạnh và la:

- Buông tôi ra! Buông tôi ra!

Người đàn ông té bò ra đất. Ông thều thào:

- Em có gì ăn không? Anh chị đói quá!

Cậu bé Đốc Gàn vừa tức vừa sợ, nhưng khi nhìn thấy đứa bé đang ngậm vú mẹ, cậu mỉm lòng, nghĩ đến thân phận mình. Đã từ lâu, cậu muốn có đứa em để chơi chung. Có lần cậu hỏi mẹ: "*U ơi, bao giờ u có em bé?*" Mẹ đỏ mặt ấp úng trả lời bằng quơ: "*Thì làm sao mà biết được. Con chỉ hỏi vợ vấn thôi!*"

Cậu đưa tay trấn an người cha của đứa bé:

- Ông chờ tôi về lấy đồ ăn nhé!

Nói rồi, cậu ta chạy nhanh về nhà, vào bếp lấy hết hai củ khoai lang để trong rổ và chạy vội ra gốc cây đa. Tới nơi, cậu thấy người chồng nằm ngửa, không động đậy, còn người vợ nằm nghiêng, ôm đứa con nằm co quắp, miệng vẫn còn ngậm vú mẹ. Cậu bé đến gần nói lớn:

- Tôi mang khoai ra cho anh chị đây! Tỉnh dậy mà ăn!

Cậu chỉ gọi vậy thôi, chứ không dám đụng vào người họ. Ba thân xác vẫn nằm bất động. Một người lạ vừa chống gậy đi tới, nói với cậu:

- Họ chết rồi! Gọi làm gì nữa!

Nói chưa dứt lời, người này giựt luôn một củ khoai trong tay cậu. Chẳng may, củ khoai rớt xuống đất, bẹp dẹt, dính đầy cát. Người này sợ cậu lấy lại, liền nằm xoài ra đất, vồ lấy củ khoai bần thiêu ấy, nhét nhanh vào miệng. Đốc Gàn thấy vậy, ôn tồn:

- Đây, tôi cho ông củ khoai này luôn!

Rồi cậu bé Đốc Gàn buồn bã, lững thững trở về, đem theo hình ảnh đứa bé nằm chết bên cạnh mẹ cha.

Người Hà Nội kể rằng có một điều kỳ lạ là đang khi nạn đói xảy ra như vậy thì lại có nạn dịch chuột cống. Hàng hà sa số những con chuột cống to bằng con mèo từ lỗ cống chui lên, thản nhiên bò trên đường phố, không biết sợ người, lại còn trở mắt trừng trừng nhìn người đi qua. Các tổ chức thiện nguyện đang vất vả chôn cất người chết, lại phải lo bẫy chuột và chôn chuột để tránh dịch hạch.

Những xác chết trên đường thì còn được mang đi chôn, còn những xác ở giữa đồng hay bờ rào, bụi tre thì cứ nằm chết thối rữa ra. Vì thế, đến vụ mùa năm sau, tức năm 1946, đồng ruộng tươi tốt, được mùa lạ thường. Người ta giải thích là nhờ xác người trở thành phân bón nên mùa màng mới trù phú như vậy.

Làm việc bác ái cũng phải làm cho khôn ngoan. Trong suốt bao nhiêu tháng trời, cảnh tượng những con người với bộ xương bọc da đã trở thành một tai họa nặng nề kinh khủng đổ xuống gia đình ông bà Trùm Hương. Nhưng ông lại không quan niệm như vậy. Ông bảo rằng Chúa thương gia đình ông nên mới gửi Thánh Giá đến để ông vác đèn tội lập công trên nước Thiên Đàng. Mỗi tối, khi đọc kinh chung trong gia đình, ông động viên tinh thần mỗi người:

- Đời sống trần thế thì vất vả. Khổ cực cách mấy thì cũng không quá 100 năm. Cuộc sống đời sau mới là vĩnh cửu.

Một buổi sáng kia, cô Tin ra mở cổng, vừa nâng thanh gỗ chốt cửa ra thì bất chợt hai cánh cửa đẩy mạnh về phía cô. Bình thường, cô phải kéo mạnh mỗi cánh cửa về phía mình, vì cửa làm bằng gỗ lim rất nặng. Hôm nay, cả hai cánh cửa bỗng nhiên đập mạnh vào mặt cô khiến cô té ngửa người xuống đất. Thì ra vào đêm hôm trước, hàng trăm người đói khát đã đứng chờ sẵn trước cửa nhà ông Trùm. Nhiều người đứng tựa vào cửa và đã chết đứng tại chỗ. Khi chốt cửa vừa mở ra, sức đẩy của hàng trăm người ép vào cánh cửa, đập vào người cô Tin, khiến cô té xuống đất, nằm sõng soài. Cô bị hàng ngàn người hốt hoảng như những con ma đói tràn vào như sóng và dẫm nát thân thể cô. Cô tắt thở ngay tại chỗ.

Nhà ông bà Trùm Hương hôm đó tan hoang. Những người hành khất từ phương trời xa lạ như những con chó sói đói, cuồng điên xông vào phá kho gạo dự trữ. Có những tên bắt lương lợi dụng thời cơ vào cả trong nhà lục lọi và lấy đi tất cả những gì chúng có thể mang đi được. Phải mất cả tiếng đồng hồ, ông Trùm Hương mới tìm thấy xác con, máu me đầy người, nằm chết chung với một đồng xác người chỉ còn da bọc xương. Trước hoàn cảnh bi đát này, ông Trùm gọi tất cả con cái và gia nhân tạm thời rút khỏi nhà, đến tá túc tại mái hiên tiền đình nhà thờ. Họ đem theo cả xác cô Tin. Cha xứ Giuse Kiên cho lệnh giạt chuông nhà thờ báo động. Mọi giáo dân, già trẻ lớn bé, khi đến nhà thờ, nhìn thấy xác cô Tin, mới biết tai họa vừa xảy đến cho gia đình ông Trùm Hương. Ai cũng cúi đầu đau đớn trước cảnh "làm phúc nên tội" này.

Bà Trùm Hương khóc rữa rượi:

- Chúa ơi, Chúa ở đâu? Sao con khổ thế này?

Ông Trùm ghé sát vào tai bà, an ủi:

- Bu mày đừng khóc lóc như vậy. Chúa có thương thì Chúa mới gửi Thánh Giá cho mình vác.

Rồi ông ngược mắt lên trời lâm râm nhắc lại lời cầu nguyện của Chúa Giêsu khi bị treo trên Thánh Giá:

- Lạy Cha, xin cất chén đắng này cho con, nhưng xin theo ý Cha, chứ đừng theo ý con!

Tất cả các hội đoàn trong họ đạo, theo sự hướng dẫn của cha xứ, đã tổ chức đám táng cho cô Tin thật trang trọng. Trong hoàn cảnh đói kém, người chết nằm ngổn ngang đầy đường, ông Trùm Hương chỉ xin mọi người thêm lời cầu nguyện cho linh hồn con gái ông, còn mọi hình thức khác, ông xin được giản tiện tối đa, không có tiệc tùng như thông lệ sau mỗi đám tang. Quan tài của cô Tin được các giáo dân và cha xứ rước từ nhà thờ ra nghĩa trang Mả Sặt. Cậu bé Đốc Gàn ở trong đoàn cầm cờ tang dẫn đầu đoàn rước. Nhiệm vụ cầm cờ này Đốc làm thay cho người cha đi vắng, vì theo cấp bậc trong làng, cha của Đốc Gàn được chỉ định vào "chức" cầm cờ trong các buổi đình đám, lễ hội.

Ngay sau đám táng cô Tin, cha Kiên cho triệu tập tất cả các thanh niên, thiếu nữ trong họ lại để lập Đoàn Cứu Đói, Đoàn An Ninh và Đoàn Tobia. Đoàn Cứu Đói có nhiệm vụ nấu cơm cháo và phát chẩn cho người ăn xin. Đoàn An Ninh có nhiệm vụ canh gác ngày đêm khu vực họ đạo, không cho người ăn xin đến gõ cửa từng nhà, để tránh tình trạng người chết nằm la liệt ở khắp các hang cùng ngõ hẻm, gây sợ hãi và bệnh tật cho mọi người. Còn Đoàn Tobia lo việc chôn cất những người chết trong ngày. Theo lệnh cha xứ, từ nay tất cả thóc gạo, đồ ăn thức uống, quần áo cứu đói phải được tập trung ở cuối nhà thờ để Đoàn Cứu Đói và Đoàn An Ninh quản thủ và cấp phát.

Tối hôm đó, ông bà Trùm Hương được Đoàn An Ninh hộ tống đưa về nhà. Nhìn cảnh tượng nhà tan cửa nát, đồ đạc bị lục lọi, mắt mát thì dù có đạo đức cách mấy cũng phải đau lòng xót ruột và buồn chán. Duy chỉ có mình ông Trùm vẫn giữ được bình tĩnh, tuyệt đối tin tưởng vào Thiên Chúa an bài. Khi thấy mọi người khóc lóc, rầu rĩ, ông trấn an:

- Thánh Gióp ngày xưa giàu có biết bao nhiêu, con cháu đầy đàn, vậy mà chỉ trong khoảnh khắc, ông mất hết tiền của, con cháu và bạn bè, phải nằm trên đồng tro ở chuồng heo. Kinh Thánh viết rằng Chúa đã khen ông Gióp là người đơn sơ ngay thẳng, kính sợ Chúa, xa lánh tội. Chúa cũng khen ông là người có một không hai trong loài người. Còn mình đau khổ có thấm tháy gì so với ông Gióp!

Đêm đó, Đoàn An Ninh còn lôi được thêm mười xác chết ở vườn sau nhà ông Trùm ngay gốc mấy cây chuối đã bị đào tróc rễ. Thực ra, trong xóm đạo còn có một gia đình cũng giàu không kém gì ông bà Trùm Hương. Đó là ông bà Giáo Hiệt. Dân làng gọi ông là "Giáo", vì có thời ông mở lớp dạy học chữ quốc ngữ. Tuy hồi thiếu thời, ông được cha mẹ gửi lên tỉnh Thái Bình học, nhưng chưa đậu được bằng cấp gì thì cha mẹ đã gọi về để coi sóc thợ thuyền, vì ông là con một trong gia đình. Ông tổ chức lớp học gồm cả trai lẫn gái, nên bị các bà lời ra tiếng vào, rồi đi tới chỗ tẩy chay. Theo các bà, con gái không cần biết chữ, biết chữ chỉ để viết thư cho trai thôi, chứ chẳng được tích sự gì. Vì thế ông Giáo Hiệt bất mãn dẹp lớp học luôn.

Ông bà Giáo Hiệt có tới sáu người con. Vốn ảnh hưởng nếp sống phóng khoáng ngoài tỉnh thành, ông thích bàn chuyện chính trị và thường giao tiếp với lãnh tụ nhiều đảng phái. Ông đặt tên các con cũng theo tinh thần yêu nước. Bà Giáo Hiệt mẫn đức, cứ năm một, bà cho ra đời một đứa con trai. Ông đặt tên bốn đứa con trai là : Độc, Lập, Tự, Do. Sau đứa con thứ tư, ông Giáo cảnh giác vợ:

- Thôi, nghe bà! Bốn thằng con trai là quá đủ rồi. Để thêm một thằng nữa, hóa ra ngũ quỷ đầy nhà! Bà ráng đẻ cho tôi hai đứa con gái nữa thì tôi sẽ đặt tên cho nó là Hạnh và Phúc. Độc, Lập, Tự, Do, Hạnh, Phúc. Quá đẹp!

Quả nhiên ba năm sau, bà Giáo cho ra đời đứa con gái. Nó mang tên Phạm thị Ngọc Hạnh.

Nếu nói rằng ông bà Giáo Hiệt giàu có mà keo kiệt thì không đúng, vì ông cũng rộng rãi tham gia công việc bác ái trong họ đạo, nhưng rất kín đáo và có tính toán. Ông thường nói rằng:

- Chúa dạy ta khi làm việc bác ái thì phải kín đáo. Làm phúc bằng tay phải thì đừng cho tay trái biết.

Vì vậy, ông Giáo Hiệt thường công đức qua ngã nhà thờ, nghĩa là ông giúp đỡ ai cũng đều qua cha xứ. Điển hình là trong vụ cứu đói này, nhà ông bà chỉ cách sân bên hông nhà thờ có một cái ao. Chờ lúc vắng người, ông cho gia nhân gồng gánh gạo và muối vòng theo con đường nhỏ sát bờ ao sang nhà thờ, giao cho cha xứ. Còn cổng nhà ông thì cửa đóng then cài ngày đêm. Có ai đến xin ăn thì người nhà bảo lên nhà thờ và quả thực tại đây họ được phát đồ ăn.

Từ khi xảy ra vụ lộn xộn cướp phá nhà ông Trùm Hương, ông Giáo Hiệt còn rộng tay bố thí hơn nữa. Ông bí mật liên lạc với các đảng phái, nhất là cán bộ Việt Minh, đưa tiền cho họ mua gạo và giao tận nhà cho ông. Cái khôn ngoan của ông Giáo Hiệt là ông không công khai xây kho lúa hay kho gạo cho mọi người trông thấy, vì biết rằng đề của nổi trong nhà lúc này là rước họa về nhà. Khi nạn đói vừa xảy ra, ông cho bí mật đào hầm chứa gạo ngay dưới sàn nhà bếp. Chỉ có các gia nhân thân tín và chính các con ông đào chiếc hầm này. Còn lý do ông bỏ tiền mua gạo của các đảng phái, vì lúc đó đang có phong trào "Đánh Pháp - Đuổi Nhật", nên

đảng nào cũng phải hoạt động mạnh để lôi kéo lòng dân. Nhiều chuyến xe chở gạo cứu trợ của chính phủ từ Nam ra Bắc bị các đảng phái phục kích lấy hết, nên họ thừa gạo nuôi đảng viên, lại còn dư đem bán. Thêm nữa, chỉ có các đảng phái võ trang chở gạo thì mới không bị dân chúng chặn xe ăn cướp mà thôi.

Tuy nhiên, bà giáo Hiệt không thích kiểu sống bác ái kín đáo như thế này. Có nhiều khi bà bị người trong xứ mắng khéo để lọt đến tai bà:

- Giàu có mà keo kiệt thì phải nói đến ông bà Giáo Hiệt. Dân chúng chết đói la liệt ngoài đường mà ông bà ấy cứ bình chân như vại, chẳng cho ai một bát cơm, chén cháo!

Họ có biết đâu là ông bà cũng làm phúc bố thí cũng chẳng kém gì ông bà Trùm Hương, nhưng mọi việc đều diễn ra một cách rất âm thầm. Thỉnh thoảng cha xứ Kiên lên tòa giảng cảm ơn ông bà Trùm Hương về tấm gương bác ái. Còn tên tuổi ông bà Giáo Hiệt thì chẳng bao giờ được cha nhắc tới. Nhưng bà Giáo Hiệt đâu có biết là chính chồng bà đã năn nỉ xin cha đừng bao giờ nhắc đến tên ông giữa đám đông người. Nhiều lúc bà Giáo Hiệt còn ra mặt giận dữ trách chồng:

- Đức bác ái của ông sao mà nhút nhát quá vậy! Chúa nói đèn thì phải để trên cao soi sáng cho thiên hạ biết lối mà đi. Còn đèn của ông sáng mà lại bỏ xuống hầm kín. Mình làm việc nhân việc nghĩa, chứ có ăn gian nói dối gì mà cứ phải giấu giấu, dút dút.

Ngược lại, bà Trùm Hương thì phải chịu quá nhiều cực khổ do tấm lòng bác ái, nhất là sau vụ con bà - cô Tin - bị chết thảm thương. Mỗi lần nhớ thương con, bà quay sang căn nhắc ông Trùm:

- Tôi thấy ông giữ đạo và làm việc bác ái mà không có sự khôn ngoan. Chúa dạy phải khôn ngoan như con rắn và hiền lành như chim bồ câu. Cứ xem gia đình nhà ông Giáo Hiệt ấy. Người ta cũng làm phúc bố thí, mà khôn ngoan, nên gia đình bình yên, con cái đỡ cực nhọc. Đàng này nhà mình lúc nào cũng như cái chợ ấy. Có lúc ốm đau nằm nghỉ cũng không yên. Nhà cửa thì bị trộm cướp có vũ khí rình rập đêm ngày. Chẳng biết sống chết ra sao.

Nghĩ cho cùng thì đây cũng chỉ là hai cách sống đạo khác nhau, nhưng cùng chung một mục đích: Bác Ái. Có tấm lòng bác ái đã khó, nhưng có khả năng để bố thí lại càng khó hơn. Rồi khi hành xử lòng từ bi bác ái, cũng cả là một vấn đề gian nan. Không phải Trời Phật ân thưởng ngay trong cuộc đời này, mà trái lại có khi còn bị nhiều tai nạn hoặc hàm oan nữa. Cuộc sống của ông bà Trùm Hương và Giáo Hiệt là những trường hợp điển hình. Tuy vậy, nhiều khi trên đời cũng có những tấm gương hy sinh, bác ái gặp may. Một lần kia đi lễ, Đốc nghe một cặp vợ chồng được cha xứ cho lên tòa giảng cổ võ giáo dân đóng góp tài chánh hàng năm cho Giáo Hội. Anh chị chưng diện quần áo bảnh bao, xức thuốc thơm đắt tiền, lượn qua lượn lại trong nhà thờ, khiến ai cũng được hưởng lây mùi thơm. Anh chị khuyên giáo dân nên rộng tay đóng góp cho Giáo Hội qua kinh nghiệm của chính bản thân họ:

- Vợ chồng chúng tôi xin được làm chứng với quý vị điều này: Trước đây gia đình chúng tôi rất là nghèo. Nhưng cứ mỗi lần đóng góp cho nhà thờ một thì Chúa lại thưởng cho chúng tôi mười. Và nhờ vậy ngày nay gia đình chúng tôi trở nên giàu có, ăn ngon mặc đẹp. Con cái đều học hành thành tài và đời sống rất hạnh phúc. Chúa là người cha rất giàu có và rộng lượng. Ngài không thua bất cứ một người cha nào trên thế gian này về lòng rộng rãi.

Đốc đang khấp khởi mừng thầm vì có thêm một động lực mới đóng góp cho chương trình quản lý nhà Chúa. Chợt có tiếng xì xầm phía sau:

- Gớm, chỉ có cái tài lẻ mếp. Vợ chồng mở miệng ra là cãi nhau về tiền. Hạnh phúc, giàu có cái khi gì? Tiền dâng cho Chúa mà cứ như là tiền cho Chúa vay một ăn lãi mười vậy.

Trong năm 1945, lợi dụng tình trạng các đảng phái chính trị tranh nhau nổi lên hoạt động cứu nước, các đảng cướp cũng mọc lên như nấm để kiếm ăn. Lúc đầu chỉ là những vụ ăn trộm, đào ngạch, khoét vách vào ban đêm để lục lợi thức ăn dưới bếp. Về sau, nảy sinh ra các đảng cướp, có vũ khí, mã tấu, giáo mác. Chúng ăn cướp có kế hoạch như đi hành quân, hết làng này đến làng khác. Đi tới đâu chúng cũng tìm nhà giàu cướp của, hãm hiếp phụ nữ một cách công khai.

Người ta tự hỏi lúc đó ai đang cai trị mảnh đất Việt Nam? Trên nguyên tắc, thực dân Pháp vẫn còn đang đô hộ Việt Nam trong giai đoạn này. Nhưng khi Pháp đầu hàng Đức trong Đệ Nhị Thế Chiến (1939-1945), thì Nhật (cùng phe Trục với Đức) đã đặt ra nhiều yêu sách đối với Pháp tại Đông Dương. Chẳng hạn Thỏa Hiệp Pháp-

Nhật ký ngày 19-8-1942, Pháp phải xuất cảng sang Nhật một triệu tấn gạo lấy từ các mùa gặt năm 1942-1943 tại Việt Nam. Đến ngày 9-3-1945, Nhật mới chính thức đảo chính Pháp và nắm quyền tại Việt Nam. Nhưng lúc đó, Nhật đang lo ngại có thể bị thua trận, nên bề ngoài vẫn phải tuyên bố "long trọng trao trả độc lập cho Việt Nam" để làm giảm sự chống đối của các phong trào đấu Nhật đang rầm rộ khởi phát. Ngày 17-4-1945 Hoàng Đế Bảo Đại trao quyền cho ông Trần Trọng Kim thành lập chính phủ, nhưng thực chất, Bảo Đại cũng không có quyền hành gì, ngoại trừ việc quản lý nội bộ.

Làng Nam Ninh có một tướng cướp tên là Mãnh Hồ, rất hung dữ, ai cũng phải sợ. Cha xứ được mật báo tên này đang hoành hành ở làng dưới và không bao lâu sẽ đến xóm đạo của cha. Cha liền họp bàn với Đoàn An Ninh để triệt hạ tên này. Đường đầu trực diện thì không được, vì bọn cướp đông người, lại có võ nghệ. Vì thế, kế hoạch được dựng lên là các thanh niên trai tráng sẽ nấp trong nhà dân dọc theo hai bên đường. Dưới đất, nhiều dây thừng căng ngang qua đường được vùi sơ bằng một lớp cát. Khi Mãnh Hồ và đoàn cướp đi qua ổ phục kích, các dây thừng nhất loạt được giật lên, ngăn chúng lại. Phía trên mái nhà các mảnh lưới đan bằng dây thừng tung xuống. Thế là cả đoàn bị vướng dây rợ tứ tung, gỡ không ra. Cùng lúc, gạch đá từ hai bên đường tới tấp ném qua và từ mái nhà trút xuống. Toàn bộ băng đảng bị thương, máu me lênh láng, còn phe xóm đạo thì bình yên vô sự. Tướng cướp Mãnh Hồ và toàn bọn bị bắt sống. Cha xứ nạp chúng cho nhà nước trừng trị. Kể từ đó không có đám cướp nào dám bén mảng đến xứ đạo Mông Triệu nữa.

Thực sự thì dân chúng trong làng Nam Ninh ít người bị đói, vì tuy ruộng đất bị quân phiệt Nhật trưng thu trồng đay, nhưng vườn tược chung quanh mỗi nhà khá nhiều, nên họ giồng khoai, giồng sắn hay chuối và các cây thực dụng khác, nhờ vậy, cũng đủ tạm sống qua ngày. Nhà nào lỡ bị túng thiếu chút ít thì bà con lối xóm giúp đỡ chia xẻ cơm áo cho.

Sau gần 2 năm hoành hành, nạn đói kinh hoàng năm Ất Dậu dần dần tan biến nhờ 3 lý do chính:

- Thứ nhất, Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh ngày 15-8-1945, nên Việt Nam không còn phải xuất cảng một số lượng gạo kèch sù sang Nhật nữa.
- Thứ nhì, Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt, phi cơ Đồng Minh không còn bắn phá các trục lộ giao thông nữa, nên sự tiếp tế lúa gạo từ miền Nam ra Bắc được dễ dàng.
- Thứ ba, dân số tại Bắc Việt đã giảm sút rõ rệt, vì một số khá đông di cư vào Nam lập nghiệp. Còn những người đã thoát chết trong nạn đói không cần di chuyển đi đâu cả. Họ được tiếp tế và bắt tay vào cuộc sống mới.

Sức tàn phá của nạn đói được giảm đi phần nào cũng là nhờ sự hy sinh của tín đồ các tôn giáo. Với tinh thần bác ái của Công giáo hoặc đức từ bi hỉ xả của Phật giáo, các đạo hữu rất hăng say trong công tác cứu đói và làm việc có tổ chức dưới sự lãnh đạo của các tu sĩ. Họ đạo Mông Triệu với cha xứ Giuse Kiên là một trường hợp điển hình của hàng ngàn các xứ đạo khác.

Vào một buổi trưa hè nóng bức, cha xứ Kiên đang ăn cơm thì có tiếng gõ cửa sau nhà. Cha hơi ngạc nhiên vì những người xin ăn không ai vào được cửa phía này, còn giáo dân thì ai cũng biết giờ này cha ăn cơm và ngủ trưa. Họ không dám phiền cha, trừ trường hợp khẩn cấp lắm. Khi cha ra mở cửa thì thấy một người con gái, mặt mũi hom hem, đội chiếc nón lá rách tả tơi, chứng tỏ đây là một nạn nhân của nạn đói.

- Thưa cha, cha không nhận ra con à?

Cha Kiên lắc đầu nhẹ, hơi nhăn trán lại cố gợi trí nhớ xem là ai. Người con gái tiếp:

- Con là Tình, hội Con Đức Mẹ đây, cha!

Tình là một cô gái trong họ, cha mẹ mất sớm, ở với bà thím. Tính nết hơi lẳng lơ. Cô bỏ làng đi biệt tích cả mấy năm nay. Có người nói đã bắt gặp cô làm "me Tây" ở tỉnh. Cha Kiên cũng được người ta báo tin cho biết như vậy. Hôm nay, bỗng dưng cô trở về thăm cha. Tuy ngạc nhiên, nhưng cha vẫn niềm nở:

- À, Tình, cha nhớ rồi. Kỳ này trông con gầy đi nhiều!

Cô nàng mừng rỡ quá, vì được cha nhận ra. Cô bỏ chiếc nón khỏi đầu và nhìn cha với giọng cầu khẩn:

- Cha có gì ăn không? Cho con ăn với. Con đang đói quá!

Cha Kiên không trả lời ngay. Cha nghĩ rằng biết đâu nhờ cái đói này mà cha có thể đưa nàng trở về cuộc sống ăn ngay ở lành. Cha muốn cứu linh hồn cô trước khi cứu thể xác. Cha nhìn thẳng vào mắt cô:

- Con đã bỏ nhà thờ mấy năm nay. Con hãy sốt sắng dọn mình xưng tội ngay bây giờ, rồi cha cho ăn cơm.

Tự nhiên Tình xùi nét mặt lại, đứng lạng người ngẫm nghĩ hồi lâu. Có lẽ cuộc đời trụy lạc của cô trong suốt mấy năm qua đang hiện ra rõ nét. Cô xấu hổ, không dám xưng tội với cha. Cô ngập ngừng:

- Thôi, thưa cha, vậy thì thôi vậy. Chào cha con đi!

Vừa nói, cô vừa nhặt chiếc nón và chạy đi luôn trước sự ngạc nhiên của cha. Cha Kiên thở dài, trở lại bàn cơm. Cha vừa lo vừa thương hại cô. Nhưng cha lại nghĩ rằng trước sau gì thì con Tình cũng gặp bạn bè trong Đoàn Cứu Đói cuối nhà thờ. Nó chẳng dám đi xa nữa đâu. Có gì mà phải bận tâm. Vì thế, sau bữa cơm, cha bình thản đi ngủ trưa.

Theo thói quen, sau giờ nghỉ trưa, cha ra nhà thờ đọc kinh Nhật tụng. Vừa quỳ xuống làm dấu thì ông Từ khúm núm đến ghé sát vào tai cha:

- Bấm lạy cha, con Tình nó nằm chết ở cổng sau nhà xứ mình rồi!

Cha xứ hoảng hốt buột miệng:

- Lạy Chúa!

Nhưng cha lấy lại bình tĩnh ngay và bảo ông Từ:

- Được rồi!

Ông Từ hiểu ý là cha đã được bá cáo. Nhiệm vụ ông đến đây là hết. Ông lặng lẽ lui ra.

Cha Kiên không mở sách kinh ra đọc. Cha quỳ, lấy hai tay úp vào mặt suy nghĩ: Linh hồn và thể xác, cái nào phải ưu tiên cứu cấp? Hồn là quý, xác là hèn. Nhưng không cứu xác trước thì làm sao cứu được hồn?

Cha nhớ đến phép lạ Chúa hóa năm chiếc bánh và hai con cá cho cả hàng ngàn người ăn. Khi ấy, dân chúng đi theo Chúa đông quá sức. Họ say mê nghe Lời Chúa. Lời Chúa là Lời Hằng Sống. Lời Chúa có sức cải tử hoàn sinh và Lời Chúa đưa con người đến sự sống muôn đời. Nhưng nghe Lời Chúa lâu quá, dân bắt đầu cảm thấy đói, thấy khát. Các tông đồ xin Chúa đuổi dân về đi. Người đông thế này, lấy gì cho họ ăn, lấy gì cho họ uống? Giải pháp của các tông đồ rất đúng và rất thực tế. Nhưng Chúa lại không nghĩ như vậy. Lời Chúa là lời hằng sống để giải quyết cái đói về tâm linh của con người. Nhưng không thể lấy Lời Chúa mà nuôi thể xác con người được. Có thực mới vực được đạo! Phải cho họ ăn uống no nê. Bao tử có đầy thì mới có sức mà theo đạo và giữ đạo. Chúa muốn cho họ ăn uống để tiếp tục nghe Chúa giảng đạo. Vì đuổi dân đi, lấy ai theo đạo? Và vì thế, Chúa đã làm phép lạ với chỉ 5 chiếc bánh và 2 con cá mà 5.000 ngàn đàn ông - chưa kể đàn bà con nít - được ăn thỏa thuê, lại còn dư cả thùng, cả thùng.

Cha Kiên tự hỏi mình: Hay là chính cha có lỗi đã bỏ Tình chết đói? Cha không cần và cũng không thể làm phép lạ như Chúa, vì cha đang dư thức ăn để cho đi. Chưa hết đâu! Cha để cho cô chết trong tình huống tội lỗi này, có thể cô chết mất linh hồn lắm chứ? Phải chăng cha đã giết cả linh hồn lẫn thể xác của Tình? Cha bắt đầu lo lắng. Không biết Tình còn nhớ bài học giáo lý cha đã dạy mà ăn năn tội cách trọn trước khi chết không? Con người chỉ cần một giây, một phút nhớ đến Chúa và hối hận vì đã phạm tội mất lòng Chúa trong giờ sau hết là đủ để Thiên Chúa lòng lành tha thứ hết mọi tội lỗi.

Cha không muốn nghĩ tiếp nữa. Cha xin phó dâng tất cả trong tay Chúa. Tuy nghĩ vậy, nhưng lương tâm cha vẫn còn áy náy. Bất chợt, qua cửa sổ trước mặt, cha nhìn thấy anh Phạm Văn Độc, Trưởng Đoàn Tobia, con ông bà Giáo Hiệt vừa đi ngang qua. Cha chạy vội ra, gọi anh lại gần:

- Anh Độc, anh còn nhớ cô Tình, hội Con Đức Mẹ trước đây không?

- Dạ, con nhớ chứ cha. Cô vừa chết ở cổng sau nhà xứ, chúng con đã bỏ xác lên xe bò, sắp sửa đem đi chôn.

Cha nói thật chậm, sợ anh Độc nghe không rõ lệnh của cha:

- Tôi muốn làm phép xác cô ta trong thánh lễ chiều nay tại nhà thờ. Anh báo với ông Trùm cho tôi như vậy nhé!

Vâng lệnh cha xứ, anh giữ xác cô Tình lại để làm phép trước khi chôn. Khổ nỗi, xác cô lại nằm dưới cùng trong chiếc xe ba gác. Thế là anh em trong Đoàn lại phải khênh từng xác chết xuống, mới lấy được xác cô Tình ra.

Trong Thánh lễ chiều hôm đó, xác cô Tình được bó trong một chiếc chiếu do họ đạo cung cấp. Cha làm lễ cầu hồn và rảy nước Thánh lên xác của cô trước khi đem đi chôn. Mọi người đọc kinh Vực Sâu cầu cho linh hồn Maria.

Sau lễ, bên ngoài tiền đường nhà thờ, các bà xúm nhau lại, xì xầm bàn tán um cả lên:

- Gớm, cái con đĩ này mà cha còn làm lễ, làm lạy gì cho nó. "Me Tây" thì chỉ có sa hỏa ngục!

- Cái con này nó lẳng lơ lắm cơ đấy. Cha cụ cũng phải giữ mình, không thì cũng chết với nó!

Biết rằng các bà đã bàn luận lạc đề khá xa, nên có tiếng đàn ông xen vào:

- Thôi đi các bà ơi! Cho tôi can. Đừng có xét đoán người ta. Lo thân mình đi. Đàn bà ai mà chẳng lẳng lơ. Tội hay không thì chỉ có Chúa biết.

Thằng Kịch có tiếng là hay trêu chọc các bà cũng xông vào ăn cớ:

- Thôi đi các mẹ! Các mẹ có biết chuyện Diêm Vương không? Để tôi kể các mẹ nghe: Ngày kia Diêm Vương bắt được hai phụ nữ: Người thứ nhất là gái giang hồ. Người thứ hai là hội viên Hội Con Đức Mẹ. Diêm Vương hỏi cô gái giang hồ:

- Chị kia, chị làm gì ở trần gian?

- Dạ, con mua vui cho thiên hạ. Ai buồn bực, đến gặp con là ra về vui vẻ như Tết.

Diêm Vương cười hả hê:

- Thế thì tốt. Cho trở về trần gian làm người tiếp. Chúc vui vẻ!

Diêm Vương quay sang hội viên Hội Các Bà Mẹ:

- Còn chị kia, chị làm gì?

- Dạ, con thờ chồng nuôi con. Hằng ngày chịu khó đọc kinh xem lễ. Con vào Hội Các Bà Mẹ để kể cho nhau mọi thứ chuyện trong xứ đạo. Hội chúng con nhiều chuyện vui lắm!

Diêm Vương vội vàng ngắt lời:

- Bắt! Bắt ngay lấy con mẹ lắm chuyện này. Âm phủ đầy dẫy những mẹ lắm chuyện như con mẹ này!

Thằng Kịch phá lên cười, dòn như nắc nẻ. Các bà thì vừa bực vừa buồn cười về câu chuyện tếu nó vừa kể, nhưng vẫn la lối xía xói:

- Bắt! Bắt cái đầu mày. Bà đánh cho chết bây giờ, cái thằng khỉ gió này!

Đốc Gàn